

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC  
MIỀN NAM**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012**



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC MIỀN NAM**

Số 99 Lê Lợi, phường 6, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 19

## CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC MIỀN NAM

Số 99 Lê Lợi, phường 6, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Đào Xuân Nhị	Chủ tịch
Bà Đỗ Thị Huyền	Ủy viên
Ông Đinh Viết An	Ủy viên
Bà Đỗ Thị Liên	Ủy viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên

##### Ban Giám đốc

Bà Đỗ Thị Huyền	Giám đốc
Ông Bùi Đình Bá	Phó Giám đốc
Ông Dương Thế Nhân	Phó Giám đốc

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đỗ Thị Huyền  
Giám đốc

Ngày 20 tháng 02 năm 2013

Số: 467 /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 20 tháng 2 năm 2013, từ trang 3 đến trang 19. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



**Trương Anh Hùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 20 tháng 02 năm 2013  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Phạm Quỳnh Hoa**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0910/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MÃ SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>80.015.838.200</b>	<b>61.433.717.120</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>984.685.113</b>	<b>4.656.128.655</b>
1. Tiền	111		984.685.113	4.656.128.655
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>42.972.572.613</b>	<b>32.829.624.830</b>
1. Phải thu khách hàng	131		43.131.916.104	30.521.333.883
2. Trả trước cho người bán	132		46.644.786	2.333.247.576
3. Các khoản phải thu khác	135		504.657.990	717.505.204
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(710.646.267)	(742.461.833)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>34.542.661.636</b>	<b>22.521.186.106</b>
1. Hàng tồn kho	141		34.542.661.636	22.521.186.106
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.515.918.838</b>	<b>1.426.777.529</b>
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.275.860.234	1.209.602.529
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		240.058.604	217.175.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220)</b>	<b>200</b>		<b>5.249.063.637</b>	<b>7.875.492.531</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.249.063.637</b>	<b>7.875.492.531</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>7</b>	5.249.063.637	7.875.492.531
- Nguyên giá	222		19.018.131.840	22.212.516.483
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.769.068.203)	(14.337.023.952)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		15.000.000	15.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(15.000.000)	(15.000.000)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>85.264.901.837</b>	<b>69.309.209.651</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã Thuyết		31/12/2012	31/12/2011
	số	minh		
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>37.553.563.924</b>	<b>26.001.779.547</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>37.553.563.924</b>	<b>25.657.117.868</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		1.800.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		29.946.603.722	19.214.246.985
3. Người mua trả tiền trước	313		3.185.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	8	494.616.368	1.914.798.815
5. Phải trả người lao động	315		4.166.413.402	3.244.530.275
6. Chi phí phải trả	316		733.940.968	652.269.946
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		114.497.503	152.343.530
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		294.306.961	478.928.317
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>344.661.679</b>
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	344.661.679
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>47.711.337.913</b>	<b>43.307.430.104</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>9</b>	<b>47.711.337.913</b>	<b>43.307.430.104</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		39.364.000.000	39.201.000.000
2. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		82.128.602	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		8.265.209.311	4.106.430.104
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>85.264.901.837</b>	<b>69.309.209.651</b>



**Đỗ Thị Huyền**  
Giám đốc

Ngày 20 tháng 02 năm 2013

**Vũ Thị Nhân**  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃ SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Kỳ hoạt động
				từ ngày 10/5/2011 đến ngày 31/12/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	11	332.176.286.918	238.826.900.152
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	11	332.176.286.918	238.826.900.152
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	12	308.143.002.145	221.779.249.534
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		24.033.284.773	17.047.650.618
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		49.667.145	67.195.123
7. Chi phí tài chính	22		2.152.848.389	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.150.811.776	-
8. Chi phí bán hàng	24		9.418.541.242	7.877.551.981
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.940.626.135	3.814.164.001
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		6.570.936.152	5.423.129.759
11. Thu nhập khác	31		5.990.606.299	56.950.004
12. Chi phí khác	32		1.482.604.794	4.839.626
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4.508.001.505	52.110.378
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		11.078.937.657	5.475.240.137
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	14	2.813.728.346	1.368.810.033
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		8.265.209.311	4.106.430.104
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	15	2.101	1.243



Đỗ Thị Huyền  
Giám đốc

Ngày 20 tháng 02 năm 2013

Vũ Thị Nhân  
Kế toán trưởng



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC MIỀN NAM**Số 99 Lê Lợi, phường 6, thành phố Vũng Tàu  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**MẪU SỐ B 03-DN**  
Đơn vị: VNDKỳ hoạt động  
từ ngày 10/5/2011  
đến ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	11.078.937.657	5.475.240.137
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.007.324.863	1.768.275.537
- Các khoản dự phòng	03	(141.230.702)	430.789.868
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(4.199.486.942)	(67.195.123)
- Chi phí lãi vay	06	2.150.811.776	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	10.896.356.652	7.607.110.419
- (Tăng) các khoản phải thu	09	(10.001.717.081)	(11.588.116.323)
- (Tăng) hàng tồn kho	10	(12.021.475.530)	(3.583.750.981)
- Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	7.285.309.198	3.555.963.120
- (Tăng) chi phí trả trước	12	(89.141.309)	(869.180.256)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.227.008.112)	(431.162.758)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	94.656.728
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(8.157.676.182)</b>	<b>(5.214.480.051)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các Tài sản dài hạn khác	21	(772.190.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các Tài sản dài hạn khác	22	5.542.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	48.780.973	67.195.123
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>4.818.590.973</b>	<b>67.195.123</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	163.000.000	9.201.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.800.000.000	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(2.295.358.333)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(332.358.333)</b>	<b>9.201.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(3.671.443.542)</b>	<b>4.053.715.072</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>4.656.128.655</b>	
<b>Tiền tăng do chuyển đổi</b>	<b>60</b>	<b>-</b>	<b>602.413.583</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>984.685.113</b>	<b>4.656.128.655</b>

Đỗ Thị Huyền  
Giám đốc

Vũ Thị Nhân  
Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 02 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC MIỀN NAM

Số 99 Lê Lợi, phường 6, thành phố Vũng Tàu  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

#### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

##### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam, được chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2011 theo Quyết định số 946/QĐ-DMC của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP ngày 26 tháng 4 năm 2011. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 5 số 3500850392 ngày 01 tháng 7 năm 2011; theo đó vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 đồng, tương đương 4.000.000 cổ phần. Trong đó:

- Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP nắm giữ 3.548.300 cổ phần tương đương với 35.483.000.000 đồng, chiếm 88,71% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 451.700 cổ phần tương đương với 4.517.000.000 đồng, chiếm 11,29% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 137 (31 tháng 12 năm 2011: 143).

##### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất dung dịch khoan và hóa phẩm dầu khí, xi măng giếng khoan và các chất dùng cho khoan thăm dò, khai thác dầu khí, công nghiệp giấy, công nghiệp luyện cán thép;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp), mua bán thiết bị, nguyên vật liệu, vật tư cho sản xuất dung dịch khoan, khai thác, chế biến dầu khí, công nghiệp giấy;
- Khai thác bentonite, cát công nghiệp, dolomite, cao lanh...

#### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

##### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

##### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

#### 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả, phải trả người bán và phải trả khác và các khoản vay.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Năm 2012</b>
	<b>(Số năm)</b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 12
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 8

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC MIỀN NAM**

Số 99 Lê Lợi, phường 6, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	18.293.108	111.309.510
Tiền gửi ngân hàng	966.392.005	4.544.819.145
	<b>984.685.113</b>	<b>4.656.128.655</b>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	18.709.898.428	10.591.917.889
Công cụ, dụng cụ	1.487.817.087	1.490.343.137
Thành phẩm	7.103.124.022	4.873.012.453
Hàng hóa	7.241.822.099	5.565.912.627
<b>Tổng cộng</b>	<b>34.542.661.636</b>	<b>22.521.186.106</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>34.542.661.636</b>	<b>22.521.186.106</b>

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	10.672.330.231	6.010.161.816	78.865.048	5.451.159.388	22.212.516.483
Tăng trong năm	-	-	-	772.190.000	772.190.000
Mua trong năm	-	-	-	772.190.000	772.190.000
Giảm trong năm	3.578.401.597	388.173.046	-	-	3.966.574.643
Thanh lý, nhượng bán	3.578.401.597	388.173.046	-	-	3.966.574.643
Tại ngày 31/12/2012	<b>7.093.928.634</b>	<b>5.621.988.770</b>	<b>78.865.048</b>	<b>6.223.349.388</b>	<b>19.018.131.840</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	6.955.750.202	5.152.022.257	43.375.779	2.185.875.714	14.337.023.952
Tăng trong năm	753.904.725	518.944.790	15.773.010	718.702.338	2.007.324.863
Khấu hao trong năm	753.904.725	518.944.790	15.773.010	718.702.338	2.007.324.863
Giảm trong năm	2.207.504.915	367.775.697	-	-	2.575.280.612
Thanh lý, nhượng bán	2.207.504.915	367.775.697	-	-	2.575.280.612
Tại ngày 31/12/2012	<b>5.502.150.012</b>	<b>5.303.191.350</b>	<b>59.148.789</b>	<b>2.904.578.052</b>	<b>13.769.068.203</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2012	<b>1.591.778.622</b>	<b>318.797.420</b>	<b>19.716.259</b>	<b>3.318.771.336</b>	<b>5.249.063.637</b>
Tại ngày 31/12/2011	<b>3.716.580.029</b>	<b>858.139.559</b>	<b>35.489.269</b>	<b>3.265.283.674</b>	<b>7.875.492.531</b>

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 5.057.424.589 đồng (năm 2011: 332.747.528 đồng).



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC MIỀN NAM**

Số 99 Lê Lợi, phường 6, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

Chỉ tiêu	Phải nộp tại	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp tại
	1/1/2012	trong năm	trong năm	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế</b>	<b>1.914.798.815</b>	<b>7.215.046.828</b>	<b>8.635.229.275</b>	<b>494.616.368</b>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	2.367.081.646	2.367.081.646	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	907.053.483	907.053.483	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.697.571.731	2.900.198.834	4.227.008.112	370.762.453
Thuế thu nhập cá nhân	168.022.218	301.580.759	345.749.062	123.853.915
Thuế nhà đất	49.204.866	736.132.106	785.336.972	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.914.798.815</b>	<b>7.215.046.828</b>	<b>8.635.229.275</b>	<b>494.616.368</b>

**9. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của	Quỹ khác	Lợi nhuận	Tổng cộng
	chủ sở hữu	thuộc vốn chủ	sau thuế	
	VND	sở hữu	chưa phân phối	VND
<b>Tại ngày 10/5/2011</b>	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm	39.201.000.000	-	-	39.201.000.000
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	4.106.430.104	4.106.430.104
<b>Tại ngày 01/01/2012</b>	<b>39.201.000.000</b>	-	<b>4.106.430.104</b>	<b>43.307.430.104</b>
Tăng vốn trong năm	163.000.000	-	-	163.000.000
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	8.265.209.311	8.265.209.311
Phân phối các quỹ	-	82.128.602	(82.128.602)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.728.943.169)	(1.728.943.169)
Chia cổ tức	-	-	(2.295.358.333)	(2.295.358.333)
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>39.364.000.000</b>	<b>82.128.602</b>	<b>8.265.209.311</b>	<b>47.711.337.913</b>

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (sửa đổi lần thứ 5), vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 đồng, tương đương 4.000.000 cổ phần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các cổ đông đã góp được 39.364.000.000 đồng, tương đương 3.936.400 cổ phần, chi tiết như sau:

	Theo Giấy chứng		Vốn đã góp tại
	nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi		ngày 31/12/2012
	VND	%	VND
Tổng Công ty Dung dịch			
khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (*)	35.483.000.000	88,71	35.483.000.000
Cổ đông là CBCNV	4.517.000.000	11,29	3.881.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>39.364.000.000</b>

(\*) Vốn đã góp của Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu - CTCP khí bao gồm 5.483.000.000 đồng là vốn góp bằng tiền, giá trị vốn góp còn lại bằng tài sản và các khoản công nợ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC MIỀN NAM**

Số 99 Lê Lợi, phường 6, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh nhiên liệu rắn, lỏng, khí, than đá, dầu mỏ, dầu thô, dầu nhờn, phân bón, tơ, xơ, sợi dệt, cao su, chất dẻo dạng nguyên sinh và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong công nghiệp, các loại hình kinh doanh dịch vụ khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong hoạt động của Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh nói trên.

**11. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2012	Từ ngày 10/5/2011 đến ngày 31/12/2011
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>332.176.286.918</b>	<b>238.826.900.152</b>
+ Doanh thu bán hàng	313.032.061.582	228.380.622.363
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.144.225.336	10.446.277.789
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>332.176.286.918</b>	<b>238.826.900.152</b>

**12. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm 2012	Từ ngày 10/5/2011 đến ngày 31/12/2011
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	295.799.703.910	217.526.539.888
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	12.343.298.235	4.252.709.646
	<b>308.143.002.145</b>	<b>221.779.249.534</b>

**13. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2012	Từ ngày 10/5/2011 đến ngày 31/12/2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	42.171.671.199	23.798.411.846
Chi phí nhân công	16.872.350.991	11.065.026.442
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.007.324.863	1.768.275.537
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.937.414.986	5.227.126.345
Chi phí khác	146.069.602	596.632.964
	<b>74.134.831.641</b>	<b>42.455.473.134</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC MIỀN NAM**

Số 99 Lê Lợi, phường 6, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm 2012	Từ ngày 10/5/2011 đến ngày 31/12/2011
	VND	VND
<b>Thuế TNDN phải nộp cho năm hiện tại</b>		
Lợi nhuận trước thuế	11.078.937.657	5.475.240.137
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	175.975.728	-
<b>Lợi nhuận chịu thuế</b>	<b>11.254.913.385</b>	<b>5.475.240.137</b>
Thuế suất thông thường	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>2.813.728.346</b>	<b>1.368.810.033</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.813.728.346</b>	<b>1.368.810.033</b>

**15. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	31/12/2012	Từ ngày 10/5/2011 đến ngày 31/12/2011
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.265.209.311	4.106.430.104
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.933.415	3.302.870
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.101	1.243

**16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các khoản vay	1.800.000.000	-
Trừ: Tiền	984.685.113	4.656.128.655
Nợ thuần	815.314.887	(4.656.128.655)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	47.711.337.913	43.307.430.104
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,02</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC MIỀN NAM**

Số 99 Lê Lợi, phường 6, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	984.685.113	4.656.128.655
Phải thu khách hàng và phải thu khác	42.925.927.827	30.446.626.419
<b>Tổng cộng</b>	<b>43.910.612.940</b>	<b>35.102.755.074</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	1.800.000.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	30.064.286.225	19.366.590.515
Chi phí phải trả	733.940.968	652.269.946
<b>Tổng cộng</b>	<b>32.598.227.193</b>	<b>20.018.860.461</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC MIỀN NAM**

Số 99 Lê Lợi, phường 6, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ Công ty TNHH Thuận Phong, Công ty Thương mại và Dịch vụ Phúc An, Công ty TNHH Một thành viên Dung dịch khoan và Dịch vụ giếng khoan - DMC. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan hoặc các khách hàng lớn này.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
31/12/2012			
Tiền	984.685.113	-	984.685.113
Phải thu khách hàng và phải thu khác	42.925.927.827	-	42.925.927.827
<b>Tổng cộng</b>	<b>43.910.612.940</b>	<b>-</b>	<b>43.910.612.940</b>
31/12/2012			
Các khoản vay	1.800.000.000	-	1.800.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	30.064.286.225	-	30.064.286.225
Chi phí phải trả	733.940.968	-	733.940.968
<b>Tổng cộng</b>	<b>32.598.227.193</b>	<b>-</b>	<b>32.598.227.193</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>11.312.385.747</b>	<b>-</b>	<b>11.312.385.747</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC MIỀN NAM**

Số 99 Lê Lợi, phường 6, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2011			
Tiền	4.656.128.655	-	4.656.128.655
Phải thu khách hàng và phải thu khác	30.446.626.419	-	30.446.626.419
<b>Tổng cộng</b>	<b>35.102.755.074</b>	<b>-</b>	<b>35.102.755.074</b>
31/12/2011			
Phải trả người bán và phải trả khác	19.366.590.515	-	19.366.590.515
Chi phí phải trả	652.269.946	-	652.269.946
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.018.860.461</b>	<b>-</b>	<b>20.018.860.461</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>15.083.894.613</b>	<b>-</b>	<b>15.083.894.613</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC MIỀN NAM**

Số 99 Lê Lợi, phường 6, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2012 VND	Từ ngày 10/5/2011 đến ngày 31/12/2011 VND
<b>Bán hàng hóa</b>		
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí - CTCP	24.632.672.995	6.503.473.311
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	696.600.000	136.800.000
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc	717.000.000	311.400.000
Công ty TNHH Dung dịch khoan M-I Việt Nam	29.947.512.483	11.781.693.588
Công ty TNHH Một thành viên Dung dịch khoan và Dịch vụ giếng khoan - DMC	36.441.304.368	6.297.357.360
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	25.741.241.887	33.138.663.940
Công ty Liên doanh Dịch vụ BJ-PV Drilling	22.331.793.691	11.642.082.243
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí	829.396.000	2.434.731.689
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	448.628.800	-
<b>Cung cấp dịch vụ</b>		
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí - CTCP	12.856.944.185	7.531.609.221
Công ty TNHH Dung dịch khoan M-I Việt Nam	1.433.265.557	193.602.474
Công ty TNHH Một thành viên Dung dịch khoan và Dịch vụ giếng khoan - DMC	1.703.532.429	772.697.494
Viện Dầu khí Việt Nam	265.810.000	-
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	1.844.255.092	2.641.121.880
Công ty Liên doanh Dịch vụ BJ-PV Drilling	910.463.528	-
<b>Bán tài sản cố định</b>		
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	5.542.000.000	-
<b>Mua nguyên vật liệu</b>		
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí - CTCP	9.513.650.921	8.579.976.240
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc	-	833.784.240



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC MIỀN NAM**

Số 99 Lê Lợi, phường 6, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí - CTCP	1.864.769.838	2.455.655.276
Công ty TNHH Dung dịch khoan M-I Việt Nam	1.514.205	1.963.063.799
Công ty TNHH Một thành viên Dung dịch khoan và Dịch vụ giếng khoan - DMC	9.505.678.341	2.002.997.348
Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro	3.535.687.687	2.196.154.529
Công ty Liên doanh Dịch vụ BJ-PV Drilling	2.404.765.451	3.195.417.569
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí	25.540.900	161.133.500
Viện Dầu khí Việt Nam	-	17.160.000
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	-	193.615.855
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc	-	757.959.164

**Thu nhập của Ban Giám đốc**

Thu nhập Ban Giám đốc Công ty được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2012 VND	Từ ngày 10/5/2011 đến ngày 31/12/2011 VND
Lương, thưởng và các khoản lợi ích khác	889.407.633	535.671.496

**18. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 10 tháng 5 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

**Đỗ Thị Huyền**  
Giám đốc

Ngày 20 tháng 02 năm 2013

**Vũ Thị Nhân**  
Kế toán trưởng